

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-PT

Ngày: 18/5/2023

V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng
đất bị lấn chiếm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tỷ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Tăng và Bà Dương Thị Vân;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Lý – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp đòi quyền sử dụng đất bị lấn chiếm.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố KT bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 623 DT, tổ 06, phường DT, thành phố KT, tỉnh Kon Tum. (vắng mặt khi tuyên án)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn TH, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1965. Cùng địa chỉ: Số 333 DT, tổ 04, phường DT, thành phố KT, tỉnh Kon Tum. (ông TH vắng mặt khi tuyên án, bà H có đơn xin vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Lệ T, sinh năm 1974 và ông Ninh Mạnh Đ, sinh năm 1972. Cùng địa chỉ: Số 627 DT, tổ 06, phường DT, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông B. Địa chỉ: Số 162 HL, thành phố KT, tỉnh KT(văn bản ủy quyền ngày 13/5/2022). (vắng khi tuyên án)

+ Công ty cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp W. Địa chỉ: Tầng 5. Mplaza Sai Gon, số 39 LD, phường BN, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị Hương T – Chức vụ: Giám đốc khối pháp chế. (có đơn xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn ông Nguyễn Văn TH và bà Nguyễn Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn trình bày:

Năm 2000, ông T nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị N và ông Tạ Văn B 01 lô đất, diện tích 150m² đất thổ cư. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4, rộng khoảng 4.7m, dài khoảng 15m. Phía sau còn đất nông nghiệp nhưng chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Toàn bộ lô đất (phía trước xây nhà, phía sau bà N xây tường bao quanh).

Năm 2002, ông cho người khác thuê nhà để buôn bán.

Năm 2004, ông T hợp thức hóa diện tích đất nông nghiệp, hai bên tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) số D 506286, thửa đất số 58, tờ bản đồ số 44, do Ủy ban nhân dân thị xã KT (nay là thành phố KT), tỉnh Kon Tum, cấp ngày 20/5/2004, diện tích 164.2m², đứng tên ông Nguyễn Văn T. Tứ cận:

Phía Đông giáp thửa số 62, dài 5m.

Phía Tây giáp đường quốc lộ rộng 5m (tìm đường rộng 13.5m).

Phía Nam giáp thửa số 59a (thửa đất ông TH), dài 27,9 m + 5.8

Phía Bắc giáp thửa số 60, dài 33,7m.

Sau khi được cấp giấy CNQSDĐ, ông tiếp tục cho người khác thuê nhà.

Năm 2015, ông T tự đo tay bằng thước dây để tiến hành xây nHmới thì phát hiện đất của ông bị thiếu khoảng 10m², trong đó phía đông thiếu 60cm, phía Tây giáp mặt đường DT thiếu 10cm. Ông T có đến nhà ông TH, bà H để trao đổi, ông TH, bà H nói “ *Anh chị lỡ xây nhà rồi cứ để đó khi nào anh chị xây nhà lại hoặc sang nhượng cho người khác thì anh chị trả lại*”; là anh em ruột ông T chấp nhận để đến khi nào ông TH, bà H xây nhà mới hoặc bán nhà cho ai thì sẽ trả lại đất cho ông, vì vậy ông xây nhà theo diện tích còn lại, đồng thời ông T đục tấm lam trên tầng 2 chạy dài từ phía đông sang tây để xác định phần đất ông TH đã lấn chiếm.

Tháng 7/2019, ông TH, bà H bán nhà, đất cho ông Ninh Mạnh Đ và bà Trần Lệ T, nhưng không thông báo cho ông biết, ông đã thông báo cho ông Đ và

bà T về việc ông TH xây dựng lấn chiếm đất của ông nhưng ông Đ không nói gì và hai bên vẫn cố tình ký hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, do đó ông T có đơn yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố KT ngừng làm thủ tục sang tên cho ông Đ, bà T, đồng thời khởi kiện tại Tòa án.

Yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông TH, bà H tháo dỡ tài sản trên đất và trả lại đất tranh chấp cụ thể phía tây 03cm; phía đông 60cm, chạy dài từ đông sang tây dài 33,7m.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn TH và bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Ngày 03/10/2000, ông Nguyễn T và bà Tô Thị H chuyển nhượng nhà và đất cho vợ chồng ông Hoàng Minh K và bà Quách Thị H, diện tích 251,0m² theo Giấy Chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3601050110, hồ sơ gốc số 06/2001 do UBND tỉnh Kon Tum cấp ngày 09/01/2001.

Ngày 15/8/2012, ông K, bà H bán lại cho ông TH, bà H, diện tích đất là 245.4m² (biến động diện tích do tìm đường mở rộng từ 12m lên 14m, (BL số 423). Ông TH, bà H làm thủ tục và được cấp giấy CNQSDĐ, thửa đất số 59A, 119 (143 mới), tờ bản đồ số 44, giấy CNQSDĐ số BK 082923, do Ủy ban nhân dân thành phố KT cấp ngày 11/10/2012, đứng tên ông Nguyễn Văn TH và Nguyễn Thị Thu H, tứ cận:

Phía Đông giáp đất Quân sự rộng 6.0m

Phía Tây giáp đường DT, rộng 5.6m (tìm đường rộng 14m)

Phía Nam giáp thửa 59, dài $32.5 + 11 = 43.5\text{m}$;

Phía Bắc giáp thửa 58, dài $32.5 + 11 = 43.5\text{m}$;

Tổng diện tích 245.4m² (đất ở 100%).

Khi mua đất, tiếp giáp với mặt đường là đất trống, tiếp theo phía trước là trụ sắt mái tôn ông K, bà H cho thuê rửa xe, dài 22m, tiếp đó là 01 bể nước – buồng tắm – căn nhà nhỏ - công trình vệ sinh, dài 10.5m, đúng với giấy CNQSDĐ và đúng với hiện trạng đất của ông Khánh. Toàn bộ tài sản trên đất của thửa đất nhà tôi tiếp giáp với căn nhà của nhà ông T, vì trên đất nhà ông T lúc này từ mặt đường vào đã có 01 căn nhà cấp 4, dài khoảng 22m, phía sau là đất trống.

Trong năm 2012, vợ chồng ông tiến hành làm nhà cấp 4. Lúc này, ông T là người chỉ đạo thợ mộc, sản ủi; ông T cũng có trực tiếp tham gia đào móng phần đất phía sau. Vợ chồng ông TH, bà H sử dụng toàn bộ chân móng cũ của bể nước – buồng tắm – căn nhà nhỏ, riêng công trình phụ phía sau đập bỏ xây móng mới. Quá trình xây nhà, ông T thường xuyên có mặt tại công trình và không có ý kiến gì. Khi ông TH và bà H tiến hành xây nhà trên diện tích còn lại. Sau khi xây nhà xong ông T vẫn không có ý kiến gì. Đến năm 2019 thì chuyển

nhượng nhà, đất cho ông Đ, bà T. Nay ông T khởi kiện ông, bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ninh Mạnh Đ, bà Trần Lệ T trình bày:

Ngày 17/7/2019, vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng nHvà đất của ông TH và bà H, tại vị trí số 623 DT, thành phố KT, tỉnh Kon Tum theo giấy CNQSDĐ số BK 082923 do UBND thành phố KT cấp ngày 11/10/2012, việc chuyển nhượng đã được lập hợp đồng và công chứng ngày 17/7/2019. Sau khi ký hợp đồng, ông T đã làm đơn gửi đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai đề nghị ngừng việc sang tên, vì vậy đến nay ông Đ, bà T chưa hoàn thành thủ tục sang tên.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông TH, bà H tháo dỡ tài sản trên đất tranh chấp, trả lại cho ông T phần đất phía Đông rộng 60cm, phía Tây rộng 3cm. Nếu Tòa án xác định ông TH, bà H có lấn chiếm đất của ông T thì ông bà sẽ trả bằng tiền đối với diện tích đất lấn chiếm, theo giá trị trong biên bản định giá tài sản của Tòa án. Nếu ông T không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp Wincommerce (gọi tắt Wincommerce) trình bày:

Wincommerce hiện đang ký hợp đồng thuê mặt bằng với ông Ninh Mạnh Đ và bà Trần Lệ T, thửa đất số 119, tờ bản đồ số 44, địa chỉ thửa đất tại số 625 DT, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Wincommerce tôn trọng ý kiến giải quyết giữa nguyên đơn và bị đơn và không đưa ra ý kiến gì.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án số dân sự sơ thẩm số 27/2022/DSST ngày 30/12/2022 của TAND thành phố KT đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 175, 176, 503, 579 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, khoản 1 Điều 95, khoản 3 Điều 188, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, về tranh chấp “*Quyền sử dụng đất bị lấn chiếm*”. Buộc ông Nguyễn Văn TH và bà Nguyễn Thị Thu H(thửa đất số 59A, 119 (143 mới), tờ bản đồ số 44, giấy CNQSDĐ số BK 082923, do Ủy ban nhân dân thành phố KT cấp ngày 11/10/2012, đứng tên ông Nguyễn Văn TH và Nguyễn Thị Thu H) có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Nguyễn Văn T (thửa đất số 58) diện tích đất 7.1m², trong đó phía Đông rộng 40cm, phía Tây rộng 03cm, chạy theo chiều dài cạnh phía nam của thửa đất số 58 (thửa đất của ông T) và phía bắc của thửa đất

số 143 (thửa đất ông TH), (có sơ đồ kèm theo). Trả giá trị bằng tiền, tương đương với diện tích đất tranh chấp $7.1m^2$ là 263.353.000 đồng (Hai trăm sáu mươi ba triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

** Ngày 12/01/2023 nguyên đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông TH, bà H phải tháo dỡ một phần diện tích căn nhà cấp 4 đã xây dựng vào năm 2012 để trả lại phần đất đã lấn chiếm của ông T cho đúng, đủ như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông năm 2004, cụ thể mặt trước đường DT 05m, mặt sau hướng đông 05m, theo toàn bộ chiều dài đất là 33,7m.*

** Ngày 17/01/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn TH và bà Nguyễn Thị Thu H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 27/2022/DSST ngày 30/12/2022 của TAND thành phố KT, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau phiên tòa tạm ngừng ngày 13/4/2023 Thẩm phán đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tấm lam được xây dựng nằm trong kết cấu nhà chính của nguyên đơn trên phần khoảng không của diện tích đất tranh chấp và tài sản trên diện tích đất tranh chấp. Sau khi có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện tấm lam nguyên đơn xây dựng có diện tích là $4,11 m^2$, trong đó có phần diện tích tấm lam ngoài phần diện tích đất tranh chấp lấn sang đất của bị đơn ông TH, bà H.

Cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả giá trị đối với diện tích đất tranh chấp nhưng không tuyên xử lý đối với tấm lam nguyên đơn xây dựng. Nội dung này cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết.

Do đó, áp dụng Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự - Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm để giải quyết triệt để vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được lập đúng theo thủ tục và trong hạn luật định, nên được HĐXX xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn ông Nguyễn Văn TH, bà Nguyễn Thị Thu H, thấy rằng:

Căn cứ nguồn gốc 02 thửa đất của ông Nguyễn Văn T (thửa số 58) và thửa đất của ông Nguyễn Văn TH và bà Nguyễn Thị Thu H (thửa số 59A, 119, nay 143). Cả nguyên đơn và bị đơn đều đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/10/2022 dựa trên diện tích trong GCNQSDĐ và diện tích thực tế các bên sử dụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định cụ thể diện tích đất tranh chấp như sau:

+ Đối với thửa đất của ông Nguyễn Văn T (thửa số 58): **Phía đông thiếu 65cm** (trong giấy CNQSDĐ là 5.0m, đo thực tế 4.35m); **Phía tây thiếu 03cm** (trong giấy CNQSDĐ là 5.0m, đo thực tế 4.97m);

+ Đối với thửa đất nhà ông TH, bà H (thửa số 143): **Phía Đông (đoạn 1) dư 40cm** (trong giấy CNQSDĐ là 5.3m, đo thực tế 5.7m); **Phía Tây dư 05cm** (trong giấy CNQSDĐ là 5.6m, đo thực tế 5.65m).

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết 10.6m² (phía Đông rộng 60cm, phía Tây rộng 03cm). Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất tranh chấp là 7.1m² (phía Đông rộng 40cm, phía Tây rộng 03cm), chạy dài từ phía Đông sang phía Tây, theo cạnh phía Nam của thửa đất số 58 và phía Bắc (đoạn 01) của thửa đất số 143. Cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận diện tích đất tranh chấp là **7.1m²** là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 26/10/2022, Hội đồng định giá giá trị diện tích đất tranh chấp 7.1m² có giá trị là 263.353.000 đồng (tính giá trị theo m²) là có căn cứ và phù hợp bởi lẽ: Diện tích các bên tranh chấp phía Tây chỉ rộng 03cm; phía Đông rộng 40cm; to dần về phía sau của lô đất nên việc tính giá trị theo m² là đảm bảo quyền lợi của các bên. Nay ông T khởi kiện, diện tích đất tranh chấp được xác định là 7.1m², nằm trong thửa đất số 143 (thửa đất nHông TH) là bức tường liền kề với thửa số 58 (đất ông T), chạy dài từ phía Đông sang phía Tây; bức tường là vật đồng bộ trong kết cấu căn nhà ông TH, bà H; nếu đập bức tường này để trả lại đất cho ông T thì sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ căn nHvà

hiện này căn cứ này đã được W thuê với thời hạn là 05 năm. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên ông Nguyễn Văn TH và bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả bằng giá trị đối với diện tích đất tranh chấp cho ông Nguyễn Văn T là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 13/4/2023 nguyên đơn khai có xây dựng tấm lam nằm trong kết cấu nhà chính của nguyên đơn trên phần khoảng không của diện tích đất tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn ông T đã trình bày nội dung này và tại bản án sơ thẩm cũng thể hiện.

Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa và tiến hành đi xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tấm lam mà nguyên đơn xây dựng và tài sản trên diện tích đất tranh chấp. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện: Tấm lam nguyên đơn xây dựng có diện tích là 4,11 m², trong đó phần diện tích tấm lam ngoài phần diện tích đất tranh chấp lấn sang đất của bị đơn ông Nguyễn Văn TH và bà Nguyễn Thị Thu H là khoảng 0,42 m². Tại cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả giá trị đối với diện tích đất tranh chấp nhưng không tuyên xử lý đối với tấm lam nguyên đơn xây dựng là chưa giải quyết triệt để vụ án và dẫn đến khó thi hành án. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông TH yêu cầu Tòa án giải quyết buộc nguyên đơn ông T phải tháo dỡ toàn bộ tấm lam mà ông T tự ý xây dựng lấn sang phần đất của ông.

Do đó, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn ông Nguyễn Văn TH và bà Nguyễn Thị Thu H - Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Các chi phí tố tụng mà đương sự đã nộp tạm ứng sẽ được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án. Đương sự kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn ông Nguyễn Văn TH, bà Nguyễn Thị Thu H.

Hủy bản án sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố KT, tỉnh Kon Tum và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố KT, tỉnh Kon Tum giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) theo biên lai số 0001156 ngày 17/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố KT.

Trả lại cho bị đơn ông Nguyễn Văn TH và bà Nguyễn Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) theo biên lai số 0001163 ngày 30/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố KT.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND .t. KonTum;
- TAND tp KT;
- CC THADS tp KT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tỷ

